

NHỮNG MẪU CHUYỆN VỀ BÁC TÔN

TÌNH CẢM GẮN BÓ GIỮA BÁC HỒ VÀ BÁC TÔN

Trong những năm Bác Hồ khỏe mạnh, mỗi tháng một lần vào chiều thứ bảy, Bác Hồ mời Bác Tôn và Bác gái đến ăn cơm chung.

Đúng 5 giờ chiều, Bác Hồ ra gốc cây chỗ cửa nhà con, sát bờ ao đón bạn. Đây là căn nhà người coi ngựa của Toàn quyền Đông Dương ngày xưa. Đạo kháng chiến chống Pháp thắng lợi, mới về thủ đô, Bác Hồ vẫn ở căn nhà này. Nhà một tầng có hai phòng nhỏ, một phòng đủ kê một giường nhỏ để ngủ và một phòng đủ kê bàn làm việc. Bác Hồ ở đây cả những ngày chống máy bay giặc Mỹ, trong phòng có hồ cá nhân để trú ẩn. Những gốc cây trước nhà, Bác ghép phong lan. Phong lan nở từng chùm hoa tỏa hương ngây ngất.

Bác Tôn xuống xe từ ngoài gốc cây xoan tây, chỗ rẽ. Bác Hồ chấp tay chào trước:

- Chào Cụ!

Bác Tôn chấp tay đáp lễ:

- Chào Cụ!

Thấy Bác Tôn chỉ đi có một mình, Bác Hồ liền hỏi:

- Bác gái đâu mà không đến?

Bác Tôn cảm động nói:

- Xin lỗi Bác, nhà tôi không được khỏe.

Bác Hồ kém Bác Tôn hai tuổi. Hai Bác đi ven bờ ao, dưới hàng cây bụi mọc, qua vòm cổng tết bằng cây dâm bụt, bước vào nhà sàn.

Những năm sau này, khi Bác Hồ đã yếu, mỗi lần ra trước đồng bào, Bác Hồ thường dặn Bác Tôn:

- Để tôi nắm tay Cụ đi cho đồng bào khỏi thấy.

Năm Bác Tôn gái đau yếu, bị xuất huyết não nhiều lần, Bác Hồ đến thăm. Tự tay Bác Hồ cầm đến một trách cá trê kho tiêu, món ăn quê hương mà Bác gái rất thích.

- Chị, chị ăn đi cho khỏe, ngon lắm. Chính tay tôi kho cho chị đấy.

Ngày Bác Hồ mất, Bác Tôn đã khóc, giọt nước mắt của một chiến sĩ cách mạng trải qua bao thăng trầm đã ngoài 80 tuổi tiếc thương người đồng chí, người bạn chứa đựng biết bao tình sâu nghĩa nặng.

Đặng Hòa

SỰ GIÁO DỤC NGHIÊM KHẮC MÀ ÂN CẦN

Năm 1950, đồng chí Phạm Tổng Hoàng, nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy Long Châu Hậu ra Việt Bắc dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II và công tác ở ngoài đó cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng. Trong 25 năm xa quê hương, có những lúc đồng chí sống trong tình thương yêu ruột thịt của Bác Tôn.

Năm 1953, đồng chí được học chung một tổ với Bác Tôn trong lớp bồi dưỡng cán bộ cải cách ruộng đất đợt đầu ở chiến khu Việt Bắc. Hai người đồng hương, xa quê hương đã lâu, tự nhiên gắn bó với nhau. Bác Tôn coi đồng chí Hoàng như đứa cháu bé bỏng, luôn chăm sóc triu mến, thân mật. Khi nào có quà của bộ đội, đồng bào biểu, Bác cũng dành cho đồng chí một phần kẹo, bánh, thuốc lá. Bác luôn nhắc nhở, dạy bảo đồng chí về tinh thần đoàn kết, ý chí cách mạng, phẩm chất đạo đức; khuyến chú ý học tập và công tác cải cách ruộng đất tốt để sau này về miền Nam làm tốt hơn.

Đồng chí Hoàng bị ghiện thuốc lá rất nặng. Những năm ở chiến khu Việt Bắc, trời càng rét, hút càng nhiều. Sức khỏe đồng chí đã kém vì viêm phế quản và viêm thành tá tràng nên ho luôn và hay đau bụng.

Có một lần ngồi học gần Bác, đồng chí thò tay vào túi Bác tìm thuốc lá. Thế là Bác kéo đồng chí ngoài, phê bình một trận gay gắt vì Bác đã khuyên nhiều mà đồng chí không chịu bỏ: "... Vì ghiện thuốc mà đi mò túi người khác như thế là xấu, vì ghiện thuốc khi không có thuốc hút phải đi gặp đồng chí này, gặp đồng chí khác ngửa tay xin, không biết xấu hổ à?". Rồi Bác còn nói thêm: "Nghiêm trọng hơn nữa là anh vì ghiện thuốc cho nên không làm được việc. Trong lúc ghiện ngập như thế mà hết thuốc lá hút thì đầu óc đâu còn minh mẫn để làm việc cho tốt nữa, như thế là anh không làm tròn trách nhiệm của người cán bộ, đảng viên rồi". Sau trận đó, đồng chí Hoàng bỏ dần, khi về đến Hà Nội thì bỏ hẳn, sức khỏe tăng lên rõ rệt, không phải đi bệnh viện như trước nữa.

Sự giáo dục của Bác Tôn nghiêm khắc nhưng ân cần, triu mến biết bao.

Theo hồi ký của đồng chí Phạm Tổng Hoàng

VIỆC GÌ LÀM ĐƯỢC THÌ LÀM

Ngày thường Bác Tôn ăn mặc rất bình dị và thích lao động. Một hôm đồng chí Hoàng, người Long Xuyên ra công tác ở Hà Nội, ở gần nhà Bác đến thăm, thấy Bác đang tưới hoa, tưới kiểng, đồng chí ấy nói: "Bác đưa cháu xách nước cho Bác". Bác nói: "Không được, để Bác tưới, Bác lao động cho khỏe". Bác không cho làm thay.

Lần khác, đồng chí Hoàng đến gặp lúc Bác đang sửa chiếc xe đạp, liền hỏi: “Chiếc xe đạp của cô, cậu nào không chữa mà Bác phải hì hục thế này?”.

Bác nói: “Ô! Xe này của mình đây, mình sửa chữa để ngày chủ nhật đi thăm bạn bè cũng sống gần đây thôi”.

Đồng chí Hoàng nói: “Trời ơi! sao Bác không đi ô tô mà làm việc khổ như thế!”.

Bác nói: “Ô! Chỉ có một ngày chủ nhật thôi thì để cho anh lái xe nghỉ ngơi, anh ta còn giúp đỡ gia đình, mình bắt anh ta đi lái xe cho mình nữa thì rất tội”.

Mẫu chuyện nhỏ nhưng đầy ấp tình người, Bác luôn quan tâm, chăm sóc đến người khác. Không tự cho phép dành đặc quyền cá nhân. Việc gì làm được thì Bác tự làm, không phiền đến mọi người.

Theo hồi ký của đồng chí Phạm Tổng Hoàng

BÁC TÔN ĐỐI VỚI MẸ HIỀN

Nhà văn Mai Văn Tạo kể lại: “Năm 1952, tôi được cử làm công tác quân báo vùng Chợ Mới. Anh Ba Hình, Bí thư và anh Bảy Tôn, Phó Bí thư huyện trao cho tôi một lá thư của Bác Tôn từ Chiến khu Việt Bắc gửi về cho mẹ. Lá thư viết trên tờ giấy poluya xếp đôi, góc trái dán kèm bức ảnh 4x3 của Bác. Nét chữ mực xanh còn khoẻ khoắn, mặc dù trong ảnh thấy Bác mặc áo đen, vai gầy, má tóp. Anh Ba Hình bảo tôi tìm cách chuyển cho được lá thư về tận gia đình của Bác ở Mỹ Hòa Hưng. Bởi vì đây là thư của người con rất đỗi yêu thương cha mẹ. Người con ấy là Bác Tôn, tuổi cũng xấp xỉ sáu mươi rồi. Anh Hình còn nói: “Chứ ráng làm thật tốt công tác này. Vì không phải là thư bình thường, mà là thư của một con người cách mạng chí trung với nước, chí hiếu với mẹ cha”.

Nhà văn Mai Văn Tạo chép lại nguyên văn và bố trí đường dây bí mật chuyển cho được lá thư gốc về với gia đình Bác. Hồi ấy, Mỹ Hòa Hưng thuộc vùng địch chiếm. Người chuyển thư phải học thuộc lòng nội dung thư của Bác, phòng khi rơi mất cũng nói được đầy đủ ý trong thư, và chính nhà văn cũng phải học thuộc lòng hai trang thư của Bác.

Thư Bác viết!

“Kính thưa mẹ! Từ nơi xa con kính gửi thư này về thăm mẹ. Con rất đỗi buồn lo không biết mẹ còn sống với con cháu không? Mẹ đã luống tuổi rồi. Chẳng may mẹ có bề nào mà chẳng được thấy mặt con, và con không thọ được tang cho phải đạo làm con, thì đau đớn biết nhường nào. Giặc còn giày xéo quê hương, con bận lo việc nước chưa tròn, chữ trung chưa trọn, chữ hiếu cũng chưa xong. Xin mẹ hiểu lòng con, tha lỗi cho con. Ngày đêm con mong sớm đến ngày độc lập, được sớm về quỳ bên chân mẹ, để nhận hết cái lỗi phải xa cha mẹ từ

ngày con biết tự bước lên đường đời... Thương nước, thương con chắc mẹ sẵn sàng tha thứ cho con... còn điều này con xin thưa với mẹ: con cháu ở nhà, đứa nào nên, mẹ ngợi khen cho nó nên thêm. Đứa nào lỡ lầm điều sai quấy, mẹ ráng khuyên bảo nó trở lại nẻo thẳng đường ngay. Bao giờ cũng vậy, con cháu đứa chưa nên là đứa đáng lo đáng tội nghiệp lắm mẹ ạ!”.

Đạo lý truyền thống sáng ngời hiếu thảo với cha mẹ đọng lại mãi mãi trong bức thư của người con ngót sáu mươi tuổi gửi về thăm mẹ đã trên dưới tám mươi tuổi khiến chúng ta thật sự xúc động và học tập.

Nhà văn Mai Văn Tạo

VIỆC ĐÓ TÔI KHÔNG LÀM ĐƯỢC

Năm 1976, Nhà xuất bản Sự Thật triển khai xuất bản hàng loạt tác phẩm để phục vụ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, trong đó có sách về Mặt trận của Bác Tôn. Để chuẩn bị xuất bản sách của Bác Tôn, Nhà xuất bản liên hệ với Văn phòng Chủ tịch nước và Ban Tuyên huấn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đề nghị cộng tác.

Mùa thu năm 1976, đồng chí Phan Thiệu Chư và Trần Thị Tồn, cán bộ Nhà xuất bản, cùng đồng chí Nguyễn Việt Dũng, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, đến gặp Bác Tôn và được Bác tiếp vui vẻ, thân mật, ân cần. Bác nói:

- Tôi nghe đồng chí Dũng báo cáo Nhà xuất bản Sự Thật muốn làm sách của tôi, có phải như vậy không? Theo ý tôi, Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ của Đảng và của dân tộc ta đã viết nhiều sách, trong đó có nhiều cuốn về Mặt trận dân tộc thống nhất. Chính Người cùng với Đảng sáng lập, tổ chức và lãnh đạo Mặt trận. Người còn là linh hồn của tinh thần đại đoàn kết đã đưa dân tộc Việt Nam ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Tấm gương của Người, lời nói bất hủ của Người: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công” chính là pho sách quý nhất về Mặt trận dân tộc thống nhất. Vậy có cần thiết xuất bản sách của tôi nữa hay không?

Đồng chí Phan Thiệu Chư xin phép phát biểu:

- Thưa Chủ tịch,

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta vừa giành được thắng lợi vĩ đại. Tổ quốc ta đã độc lập, thống nhất, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới với những nhiệm vụ hết sức nặng nề. Nhà xuất bản Sự Thật được Trung ương Đảng giao nhiệm vụ tổ chức xuất bản một hệ thống sách tổng kết thành tựu về các mặt của cách mạng Việt Nam, tuyên truyền, phổ biến quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước tới đông đảo bạn đọc cả nước. Trong các vấn đề quan trọng đó, công tác Mặt trận dân tộc thống nhất có ý nghĩa to lớn trong cách mạng giải phóng dân tộc trước đây cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ngày nay. Nhà xuất bản

cùng với Ban Tuyên huấn - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam sưu tầm, tuyển chọn các bài phát biểu của Chủ tịch, sắp xếp thành cuốn sách, nội dung chứa đựng nhiều quan điểm và kinh nghiệm sâu sắc, rất có ích cho công tác mặt trận trong giai đoạn mới. Vậy xin Chủ tịch vui lòng cho phép Nhà xuất bản Sự Thật được xuất bản cuốn sách này, một tài liệu quý để phục vụ bạn đọc.

Các đồng chí trình bản thảo cho Bác Tôn. Bác thận trọng lật từng trang bản thảo, xem qua tí lớn. Sau đó, Bác giữ lại trang đầu, đọc kỹ Lời Nhà xuất bản, rồi chậm rãi nói:

- Hóa ra các đồng chí đã làm xong bản thảo. Tôi xem qua, thấy các bài ở đây đều đã được công bố trên báo, trên đài cả rồi, như vậy có cần in lại nữa không?

Thấy Bác còn phân vân chưa muốn in sách của mình, đồng chí Nguyễn Việt Dũng, đưa mắt nhìn đồng chí Chư, ý muốn bảo thưa thêm. Hiểu ý, đồng chí liền mạnh dạn nói:

- Thưa Bác, trong bản thảo này, chúng cháu đã tập hợp các bài phát biểu của Bác tại Đại hội III của Đảng, tại các Đại hội Mặt trận và ở các hội nghị của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam... Những tài liệu này đúng là đã được công bố nhưng lại công bố rải rác trong nhiều năm, trên nhiều báo, không theo hệ thống. Nay chúng cháu tập hợp để làm thành một cuốn sách, sẽ giúp cho bạn đọc hiểu được một cách có hệ thống các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng về Mặt trận dân tộc thống nhất và những kinh nghiệm thực tiễn quý báu nhiều năm qua.

Thấy Bác chú ý lắng nghe, đồng chí phấn khởi thưa tiếp với Bác về cách sắp xếp các tài liệu trong bản thảo.

Đôi mắt Bác Tôn ánh lên một cái nhìn độ lượng, càng khuyến khích các đồng chí tự tin hơn. Đồng chí Chư báo cáo thêm với Bác về tên sách, rồi nhắc lại đề nghị Bác cho phép được xuất bản.

Thấy các đồng chí ở Nhà xuất bản trình bày có lý lẽ và tha thiết đề nghị, cùng với sự chuẩn bị bản thảo chu đáo, đong xén gọn gàng, Bác nở nụ cười đôn hậu, vui vẻ nói:

- Thôi được, tôi đồng ý. Nhưng đây là Nhà xuất bản muốn làm sách đấy nhé!

Được Bác Tôn chấp thuận, các đồng chí rất phấn khởi, vui mừng. Được dịp, đồng chí Phan Thiện Chư thưa luôn với Bác:

- Thưa Chủ tịch, được Chủ tịch đồng ý cho xuất bản cuốn sách về Mặt trận dân tộc thống nhất, Nhà xuất bản Sự Thật xin hứa sẽ cố gắng hoàn thiện và tổ chức in nhanh, in đẹp. Trong tương lai, Nhà xuất bản xin đề nghị Chủ tịch đứng tên chủ biên một cuốn sách khác nhằm tổng kết công tác Mặt trận, kết hợp lý luận với thực tiễn, làm cẩm nang cho các thế hệ cán bộ mặt trận sau này.

Sau một phút suy nghĩ, Bác Tôn nói:

-Việc đó tôi không làm được. Song, có một điều tôi muốn dặn các đồng chí: Bác Hồ kính yêu của chúng ta, từ ngày thành lập Đảng cho đến nay đã có nhiều bài nói, bài viết rất hay, rất đúng về đề tài Mặt trận dân tộc thống nhất. Tư tưởng,

quan điểm của Người về chiến lược đại đoàn kết và chính sách mặt trận đã được Đảng ta vận dụng sáng tạo, được toàn dân nhiệt liệt hưởng ứng, tạo nên sức mạnh to lớn để dân tộc Việt Nam vượt qua muôn ngàn khó khăn, thử thách, giành thắng lợi vẻ vang. Cần làm thêm nhiều sách để giới thiệu tư tưởng đại đoàn kết của Người. Đây là một việc rất quan trọng mà Nhà xuất bản của Đảng phải làm cho thật tốt.

Lời nói mộc mạc, thẳng thắn của Bác Tôn biểu hiện đức khiêm tốn của một lãnh tụ cộng sản mang đậm bản chất giai cấp công nhân, là tấm gương sáng cho các thế hệ mai sau trân trọng, giữ gìn.

Trần Thị Tôn

TÁM LÒNG CỦA BÁC TÔN

Mùa Xuân năm 1971, số cán bộ an ninh vũ trang miền Nam được đưa ra thủ đô Hà Nội bồi dưỡng văn hóa, học nghiệp vụ, chuẩn bị về Nam tiếp tục chiến đấu. Trước khi ra về, anh em có nguyện vọng duy nhất được Bác Tôn cho phép đến chúc thọ Người, lúc đó Bác là Chủ tịch nước. Nguyện vọng thiết tha và chính đáng đó của anh em được chuyển đến Bác. Mặc dầu rất bận, Bác Tôn vẫn thu xếp thời gian để đón tiếp anh em.

Một buổi sáng, tại Phủ Chủ tịch, Bác Tôn đứng chờ sẵn ở cửa. Các đồng chí báo cáo với Bác, Bác nói thân mật: Biết rồi - biết rồi. Bác lại ân cần thăm hỏi từng người, ai ở tỉnh nào, địa phương nào; hoạt động ở đâu... không bỏ qua một lời giới thiệu nào của người chỉ huy đơn vị. Cử chỉ thân mật ấy làm mọi người cảm thấy thoải mái, tự nhiên không còn ngỡ ngàng như lúc đầu mới bước lên thềm Phủ Chủ tịch. Bác bắt tay anh em và chỉ chỗ cho ngồi, mời anh em uống nước như cha già gặp các con mới đi xa về. Bác âu yếm xoa đầu từng người và hỏi: ở miền Nam hoạt động như thế nào; gian khổ ra sao, bọn địch gian ác và chiến tranh khốc liệt, đồng bào mình chịu đựng, chiến đấu và đời sống ra sao?... Bác đều hỏi thăm cả và lắng nghe anh em báo cáo, chú ý từng chi tiết. Trong đoàn có đồng chí Tùng 18 tuổi (nhỏ tuổi nhất) được Bác gọi đến gần và ôm vào lòng. Nghe báo cáo kế hoạch của đoàn, Bác căn dặn anh em đi đường nên cẩn thận. Về đến nơi cố gắng phấn đấu thực hành những điều đã được học. Cuộc gặp gỡ diễn ra hết sức thân mật, ấm cúng, nhiều lúc rộ lên tiếng cười vui vẻ. Thấy bác vui, mọi người chăm chú nghe, kết thúc buổi gặp mặt Bác nói như một lời tiên đoán: “Cách mạng miền Nam còn nhiều gian khổ hy sinh, nhưng thắng lợi cuối cùng ngày càng sáng sủa, và đó là điều chắc chắn như Hồ Chủ tịch từng nói”. Những phút được gặp và ở bên Bác Tôn mau chóng qua, giờ chia tay với Bác đã đến. Đồng chí hướng dẫn đoàn đứng lên nói những lời tạm biệt cảm động, nước mắt lưng tròng. Bác Tôn vỗ nhẹ vào lưng một chiến sĩ căn dặn: Mọi người bền gan chiến đấu đến ngày thắng lợi, cho Bác được vào miền Nam thăm lại quê hương.

Thiếu tướng Huỳnh Thủ

SỰ KHIÊM TÔN CỦA MỘT VỊ CHỦ TỊCH NƯỚC

Cuối năm 1976, Bác Tôn vào công tác ở Thành phố Hồ Chí Minh đến ngày giáp Tết Nguyên đán. Bao nhiêu năm không ăn Tết ở Sài Gòn, mọi người đều mời Bác ở lại. Bác không đồng ý. Đồng chí Hoàng Quốc Việt và Xuân Thủy sang thuyết phục Bác. Chuyện trò trong phòng lúc lâu, hai ông ra vui vẻ bảo các đồng chí phục vụ: “Bác đồng ý rồi, các cậu thu xếp đón cả các cháu vào ăn Tết với Bác”. Đồng chí Lê Hữu Lập, thư ký riêng của Bác Tôn rất mừng vì thật lòng cũng muốn biết cái Tết ở miền Nam. Đồng chí vào hỏi lại Bác, Bác bảo mai ta ra Hà Nội, ở địa vị mình các ông ấy cũng không làm như thế.

Đồng chí Phạm Hùng là người đã cùng ở tù Côn Đảo với Bác nhiều năm. Những cuộc đấu tranh trong nhà tù, địch đánh đập rất dã man. Đồng chí Phạm Hùng và Bác Tôn là những người gan dạ nhất, thường lấy thân mình đỡ đòn cho anh em phần đông là thư sinh, trí thức. Tình cảm hai người sau này càng gắn bó. Đồng chí muốn Bác Tôn trở về Nam an dưỡng tuổi già. Đồng chí Nguyễn Quang Xiển phụ trách T.78 (Văn phòng Trung ương ở Thành phố Hồ Chí Minh) một hôm dẫn đồng chí Lập đi thăm ngôi nhà đã chuẩn bị cho Bác. Đây là ngôi nhà một tầng thuộc khu biệt thự An Phú, nhà ở sát sông Sài Gòn gió mát lòng lộng. Anh em đã lát xong con đường quanh nhà để Bác tập thể dục hằng ngày. Đồng chí Xiển chỉ 3 ngôi biệt thự dọc liền phía trong nói: “Đây là nhà chị Hạnh, chị Nghiêm, ông Lập”. Tôi về mời Bác đi xem nhà, Bác bảo ta có ở trong này đâu mà đi xem. Bác không đi xem. Sau này đồng chí Lập mới biết, trước đó đồng chí Phạm Hùng đã gọi anh Dương Văn Phúc, Chủ nhiệm Văn phòng Phủ Thủ tướng là chồng chị Hạnh, đến giao nhiệm vụ: “Ông già tuổi đã cao cần chuyển vào Nam an dưỡng, sống thêm nhiều năm nữa. Cậu không được ngăn cản mà phải thuyết phục để ông cho chuyển cả gia đình vào trong đó”. Anh Phúc về nói với Bác, Bác hỏi: “Sao? Đánh nhau không được vào Nam giờ hòa bình lại vào chiếm nhà à?”.

Năm 1978, Bác Tôn đã sang tuổi 90, Trung ương định xây ngôi nhà nghỉ cho Bác ở ngay Hà Nội. Địa điểm được chọn là khuôn viên chùa Trích Sài, phường Bưởi trên bờ Hồ Tây, cảnh vật thật đẹp, yên tĩnh mát mẻ. Nhà đã thiết kế, vật liệu đã chuẩn bị, sắp khởi công thì Bác biết. Bác cho gọi ông Nguyễn Việt Dũng, Chủ nhiệm Văn phòng Phủ Chủ tịch sang hỏi: “Các anh định xây nhà cho tôi?”. Ông Việt Dũng làm như không biết: “Không ạ. Cháu nghe như Phủ Thủ tướng định xây nhà khách ạ”. Bác nói: “Thế là chuyện khác, còn nếu định xây nhà cho tôi thì để các anh ở”, và Bác nói sang chuyện khác. Thế là kế hoạch bị vỡ.

Những món quà các đoàn quốc tế gửi tặng, Bác không giữ lại trong nhà thứ gì mà dùng biếu lại những nhân sĩ tiêu biểu trong Mặt trận. Ông đại diện Thiên chúa giáo được Bác tặng tấm thảm len, vị đại diện Phật giáo được Bác tặng chiếc khai đồng chạm trở. Các vị rất xúc động khi được Chủ tịch nước quan tâm.

Theo lời kể của đồng chí Lê Hữu Lập,
nguyên thư ký riêng của Chủ tịch Tôn Đức Thắng.

BÁC TÔN VỚI NGƯỜI TRÍ THỨC

Bác sĩ Trần Hữu Nghiệp, là một bác sĩ được đào tạo ở trường Đại học y khoa Paris trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Ông là một trí thức yêu nước, đã tham gia suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Trong hồi ký “Những ngày tôi làm thầy thuốc riêng cho Bác Tôn”, bác sĩ đã kể lại những kỷ niệm sâu sắc nhất về Bác Tôn. Trong dịp Bác Tôn thay mặt Trung ương Đảng, Quốc hội và Chính phủ ta đi dự lễ chúc thọ 80 tuổi Chủ tịch Vin-hem-pích của nước Cộng hòa dân chủ Đức và nhận giải thưởng hòa bình quốc tế Lenin tại Liên Xô trong tháng 12-1955 và tháng 1-1956, bác sĩ được cử làm thầy thuốc riêng cho Bác Tôn.

Ở Cộng hòa dân chủ Đức, cùng với Bác Tôn, bác sĩ đi thăm ngôi nhà mồ của Gót (Goethe) và Si-le (Schiller) ở thành phố Vây-ma, trước đã có lúc là thủ đô của nước Đức. Bên ngoài trời rất lạnh và âm u nhưng trong nhà mồ thì ấm và tràn ngập ánh sáng. Đặc biệt trong ngôi mộ luôn luôn thấp sáng một ngọn đèn dầu mà người hướng dẫn đoàn tham quan đã giải thích: bất cứ lúc nào, trong hoàn cảnh nào, ngọn đèn này không bao giờ tắt vì vào một đêm mùa đông năm 1832, khi thi sĩ Goethe 83 tuổi hấp hối trên giường, đã luôn miệng kêu gào: “Hãy đem tới cho ta ánh sáng, nhiều ánh sáng hơn nữa!”.

Buổi đi thăm đó làm bác sĩ nhớ mãi, không phải vì uy vũ của người nằm trong mộ, cũng không phải vì những kiến trúc cực kỳ mỹ lệ, mà bởi một lời bình của Bác Tôn. Trên đường về khách sạn, Bác hỏi:

- Anh làm bác sĩ, giải thích tại sao người sắp chết cứ đòi ánh sáng?

Bác sĩ chịu “bí”, vì không có sách y học nào nói tới, liền giải thích một cách chung chung:

- Đây là trường hợp cá biệt của một đại văn hào, một triết gia lớn, một trí thức uyên thâm nhất của Châu Âu thời ấy. Suốt đời, qua bao nhiêu tác phẩm để lại, ta thấy ông đi tìm hiểu ý nghĩa của cuộc đời, làm sao để vươn tới chân - thiện - mỹ, nhưng cuối cùng không tìm được lối ra cho suy tư.

Bác Tôn trầm ngâm suy nghĩ một lúc, nói:

- Trí thức dù lớn đến cỡ nào, học vấn uyên thâm quảng đại bao nhiêu, mà chưa được ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin soi đường, thì mãi mãi vẫn mò đi trong đêm tối!

Câu nói giản dị ấy đã lưu lại trong ký ức bác sĩ một vết hằn sâu sắc. Về sau, trong những năm làm thầy thuốc ở R (chiến khu thời chống Mỹ ở miền Đông), bác sĩ Trần Hữu Nghiệp đã tiễn những người trí thức thời đại Bác Hồ và Bác Tôn vĩnh viễn ra đi trong ánh sáng. Bác sĩ viết:

- Đêm 7-11-1968, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, Bộ trưởng Bộ Y tế, vừa trở về Nam bộ để nắm tình hình sau Tết Mậu Thân, đã hấp hối trong một túp lều giữa rừng dày của huyện Tân Biên (Tây Ninh) sau một cơn bệnh cực kỳ hiểm nghèo. Rồi đến tháng 4-1972, kỹ sư Cao Văn Bôn, Bộ trưởng Bộ Kinh tế - Tài chính trong Chính phủ cách mạng lâm thời, thở những nhịp cuối sau một thời gian mắc chứng ung thư phổi. Nếu hồi ký này được các anh em y sĩ, y tá ở buổi trực đêm

ấy đọc, thì xem đây là lời cảm ơn của tôi, bởi các em đã ngoan ngoãn chạy tìm tập trung tất cả các đèn bão lại, đốt sáng lên cả một góc rừng mà không thối mắc tại sao, bởi lúc đó máy bay Mỹ có thể thỉnh linh ập tới... Tôi muốn tiễn các anh ra đi trong ánh sáng, như Goethe đã đòi hỏi ngày xưa!

*Theo hồi ký “Những ngày tôi làm thầy thuốc riêng cho Bác Tôn”
của bác sĩ Trần Hữu Nghiệp*

CHIẾC CỐI XAY TIÊU

Hồi ký của bác sĩ Trần Hữu Nghiệp cũng kể lại khi Bác Tôn sang Liên Xô nhận giải thưởng hòa bình quốc tế Lenin.

Đây là một giải thưởng do Ủy ban bảo vệ hòa bình thế giới của Liên Xô hàng năm tặng cho những người có công đóng góp cho phong trào hòa bình thế giới. Giải thưởng gồm một tấm bằng kèm theo số tiền 100.000 rúp.

Khi nhận được tin này, Bác Tôn rất do dự vì e mình chưa xứng đáng nhận phần thưởng cao quý đó. Bác Hồ đã đích thân đến gặp, cầm tay Bác Tôn nói đại ý: Người nhận phần thưởng này phải là người tiêu biểu. Người tiêu biểu đó chính là Cụ.

Ngày 21-1-1956, tại Điện Krem-li, Ủy ban giải thưởng hòa bình quốc tế Lenin đã tổ chức trọng thể lễ trao phần thưởng cho Bác Tôn. Số tiền được thưởng, Bác Tôn đã trao lại cho Ủy ban Thiếu niên, Nhi đồng Hà Nội để sử dụng phục vụ các cháu thiếu niên, nhi đồng.

Trong thời gian lưu lại Mátxcova, Bạn có trao riêng cho Bác Tôn 10.000 rúp, các thành viên khác mỗi người 1.000 rúp để mua quà tặng về cho gia đình, bạn bè. Ai cũng mua hết số tiền giành cho phần mình. Riêng Bác Tôn, đến ngày cuối sắp lên đường về nước vẫn chưa mua gì cả. Bác sĩ Nghiệp nhắc xem Bác muốn mua gì thì mua giúp.

Bác Tôn suy nghĩ hồi lâu, bảo:

- Tôi thích nhất là cá kho tộ bỏ nhiều tiêu. Chiều nào bà ấy cũng đem tiêu hột ra đấm trong chén, văng tùm lum ra ngoài. Mất bả kém rồi, nên cứ mò mò lượm từng hột bỏ vô. Vậy anh mua dùm tôi một cái cối xay tiêu đem về tặng chắc bả mừng lắm!

Bác sĩ Nghiệp vội chạy ra G.U.M (Cửa hàng bách hóa tổng hợp Mátxcova) tìm một cái cối xay tiêu quay tay bằng gỗ rất đẹp. Nhưng chỉ hết có 7 rúp. Số tiền còn lại 9.993 rúp, Bác Tôn đã giao trả lại tất cả cho Bạn.

Thật là tình yêu đối với vợ, tình cảm đối với quê hương và ý thức tiết kiệm của Bác Tôn quả là cao đẹp vậy.

*Theo hồi ký “Những ngày tôi làm thầy thuốc riêng cho Bác Tôn”
của bác sĩ Trần Hữu Nghiệp*

BÁC ĐÃ GIÁO DỤC TÔI NÊN NGƯỜI

Chị Tôn Thị Tuyết Dung, là cháu gọi Giáo chủ đạo Cao Đài Phạm Công tác bằng ông chú, được Bác Tôn nhận làm con nuôi từ năm 1946, đã kể lại câu chuyện về Bác với lòng mến phục, hàm ân: “Người cộng sản đầu tiên tôi được gặp, được biết là Bác Tôn. Tôi chịu sự giáo dục nhiều nhất, hoàn thiện nhất những phẩm chất tốt đẹp cũng ở Bác Tôn. Cứ mỗi ngày một ít, một lần một chút, Bác đã giáo dục tôi thành người cộng sản lúc nào không hay. Không lý luận cao xa, “không dao to búa lớn” mà bằng những câu chuyện, những việc làm nho nhỏ, những thái độ cử chỉ ôn hòa, những lời nói giản dị trong đời thường của Bác đã giáo dục tôi nên người hữu ích cho xã hội, cho gia đình”. Sống trong tình thương yêu đùm bọc của gia đình Bác Tôn, chị Dung khôn lớn và trưởng thành theo cách mạng.

Vào thời điểm năm 1946, ranh giới giữa ta và địch chưa phân minh; nguồn gốc lý lịch gia đình còn đè nặng lên sự phấn đấu của bản thân, mà Bác Tôn vẫn nhận chị làm con nuôi cho thấy tình cảm của Bác hết sức bao la, cao cả.

Bác bảo:

- “Bây giờ con lấy Họ” của ba. Mai kia về Nam con muốn lấy lại “Họ gia đình” cũng được. Vì ba khai vào lý lịch con là con của ba.

Bác lại dặn thêm:

- Vào lúc này con không liên lạc với gia đình trong Nam; tốt không sao, nhờ có sự cố gì xấu, làm ảnh hưởng đến tư tưởng công tác, không lợi.

Bác nói ít, nhưng chị hiểu nhiều. Thế là suốt ba mươi năm ở miền Bắc, chị đau đáu nhớ gia đình, nhớ quê hương, song không hề tìm hiểu để liên lạc và không biết gì về gia đình mình cả.

“Người cộng sản ban đầu mà tôi nhận thức được là người chịu đựng gian khổ, biết hy sinh vì nghĩa lớn. Người cộng sản có lòng thương người bao la như Bác Tôn đáng để kính yêu. Thấy người ta gây gổ, hục hặc với nhau tôi cũng thắc mắc và than phiền. Bác thường giải đáp: “Vì vậy ta mới phải giác ngộ cho mọi người và phải làm cách mạng để đổi đời và làm cho con người tốt hơn”. Những điều Bác giảng giải giản dị và dễ hiểu được chị Dung nhập tâm và thực hiện suốt cuộc đời mình.

Theo Tôn Thị Tuyết Dung

“Những mẫu chuyện trong đời thường của Bác Tôn”.

BỨC THƯ BỊ TRẢ LẠI

Những năm đầu kháng chiến chống Pháp, Chính phủ ta rất nghèo, hầu hết hưởng lương bằng gạo. Bộ, Thứ trưởng đều phải ăn một bữa cơm, bữa cháo. Cùng một chế độ như vậy, Bác Tôn cũng gặp khó khăn khi phải nuôi chị Dung đi học. Cho nên Bác viết thư khuyên chị Dung về, đợi khi nào gia đình có điều kiện hãy tiếp tục học. Nhận được thư chị Dung rất buồn, liền đi mua giấy poluya thật trắng, cắt đăng ten cẩn thận và viết thư thật dài gửi về, tha thiết xin được ở lại học.

Sau một tháng, chị lại nhận được chính bức thư mình gửi đi và trên phong bì cũ có đóng dấu ghi địa chỉ ATK. Như vậy là thư này đã đến nơi, chứ không phải không có người nhận!? Chị bóc ra xem với tâm trạng hoang mang chưa hiểu vì sao? Chắc Bác Tôn không cho đi học rồi, mới gửi trả lại như vậy.

Thế nhưng không phải. Bác viết lại mặt sau mà chị bỏ trắng. Nội dung của Bác đồng ý cho chị tiếp tục học có sự giúp đỡ của các chú, các bác ở ATK (an toàn khu ở Tuyên Quang lúc ấy) và còn kể nhiều chuyện vui về gia đình như nuôi được dê để lấy sữa, phát hiện được một nơi có nhiều rau rừng để ăn... Bác không bảo phải tiết kiệm giấy, song chị đã hiểu.

Từ đó trở đi, mỗi lần viết thư về gia đình chị không dám viết giấy một mặt nữa và tự làm phong bì bằng giấy báo rồi dán lên một tờ giấy trắng nhỏ để ghi địa chỉ.

Theo Tôn Thị Tuyết Dung

“Những mẫu chuyện trong đời thường của Bác Tôn”.

A DUA HAY YÊU NƯỚC

Đầu năm 1950, chuẩn bị mở chiến dịch “Biên giới”; Lệnh tổng động viên của Chính phủ và Bộ tổng Tư lệnh được ban hành: các phái đoàn tuyên quân lần lượt về các trường trung học tuyên truyền, giáo dục và tuyển quân. Tuy chưa xin phép gia đình nhưng Tôn Thị Dung cũng ghi tên tòng quân vào dịp này. Bởi chị nghĩ, Bác Tôn là Trưởng ban thi đua yêu nước thì việc đầu quân của chị là đúng đắn. Mặt khác do không hiểu biết nhiều về chiến sự nên chị cứ đinh ninh rằng chiến tranh sắp kết thúc. Việc trở lại đi học của chị chẳng còn bao lâu nữa!...

Thế rồi gần một năm, chiến dịch “Biên giới” đã thắng lợi rực rỡ. Nhưng chiến tranh thì vẫn còn tiếp diễn. Các chiến dịch khác (Trung du, Hòa Bình...) vẫn tiếp tục mở rộng. Các trường học lại bắt đầu khai giảng, bạn bè chị lục tục kẻ trước, người sau kéo về đi học. Tâm trạng chị lúc này thật xao xuyến, dao động... Chị bèn quyết định xin nghỉ phép để về xin Bác Tôn cho đi học lại. Lòng hâm hờ ra về, hy vọng với lòng thương con, thế nào Bác cũng đồng ý. Ở nhà được vài hôm, nhân một buổi tối, thấy không khí gia đình vui vẻ chị liền mạnh dạn đề xuất:

- Ba ơi các bạn của con lần lượt đi về học cả rồi. Tình hình này - chiến tranh còn kéo dài - con sợ còn nhỏ không học, mai kia lớn tuổi học không vào.

Lặng im nghe chị Dung nói, chờ dứt lời, Bác ôn tồn bảo:

- Thế con đi tòng quân là a dua hay con yêu nước? Nếu con yêu nước thì tiếp tục đi. Mai kia, nước nhà được giải phóng, nếu con đi học với động cơ là để làm việc tốt thì dù con có lớn tuổi, tổ chức vẫn cứ bắt con đi học, không đi không được đâu. Còn nếu con a dua theo chúng bạn, thấy bạn đi thì mình đi, thấy bạn về thì con xin về...

Yên lặng một lát, Bác nói tiếp:

- Ba nói như vậy con nghe có phải không? Tùy con quyết định.

Thế rồi Bác vui vẻ nói sang chuyện khác. Còn chị Dung cảm thấy ân hận vì những ý nghĩ nông nổi với việc làm thiếu chín chắn của mình. Hai hôm sau, lòng hăm hở, dứt khoát chị vác ba lô lên đường.

Cách giáo dục đối với con cháu của Bác Tôn là thế đó. Bác không nhiều lời, không yêu cầu một cách áp đặt mà nhẹ nhàng giảng giải, để cho mình tự suy nghĩ, tự quyết định.

Theo Tôn Thị Tuyết Dung

“Những mẫu chuyện trong đời thường của Bác Tôn”.

NGƯỜI TA BẢO XUỐNG THÌ XUỐNG

Năm 1967, là năm thứ ba nhân dân ta anh dũng chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ leo thang ra miền Bắc. Để phát huy vai trò của phụ nữ ở hậu phương, Đảng ta đã ban hành Nghị quyết về bồi dưỡng, đề bạt, sử dụng cán bộ nữ. Chị Tôn Thị Dung được đề bạt làm Phó ty Giáo dục tỉnh Vĩnh Phú (3 tỉnh hợp nhất: Phú Thọ, Vĩnh Yên, Phúc Yên). Chị lo ngại không đảm đương được, một công việc quá sức mình vì địa bàn quá rộng và đang trong giai đoạn chống chiến tranh phá hoại rất ác liệt; hơn nữa bỏ gia đình để đi công tác chị không muốn. Chị về Hà Nội xin ý kiến Bác Tôn. Sau khi nghe chị trình bày tỉ mỉ về nội dung công việc sẽ làm và những nỗi niềm băn khoăn, Bác bảo:

- Phó ty là gì nhỉ? À, thôi ba biết rồi, là sous directrice chứ gì? Được thôi, nếu tổ chức tin cậy, con làm được thì nhận, con không làm được thì từ chối. Nhưng nếu từ chối chỉ vì sợ khó, sợ khổ thì không nên mà phải cố gắng khắc phục. Và nên nhớ một điều là: khi nào người ta bảo “đồng chí không làm việc được nữa” phải xuống là con xuống nhé! Rồi Bác cười, vẫn nụ cười đôn hậu của người cha, người ông đối với con cháu.

Lời dạy của Bác thật giản dị, nhưng đối với chị là cả một bài học sâu sắc, là một phương châm sống.

Tôn Thị Tuyết Dung
(con nuôi của Bác Tôn)

BÁC TÔN VỚI MIỀN NAM

Đối với Bác Tôn, miền Nam không chỉ là nghĩa nước, mà đó còn là tình nhà. Đã mấy chục năm trời Bác xa đồng bào đất Nam bộ, chưa được trở lại thăm quê. Tại Hà Nội, hàng năm vào dịp Tết, hội đồng hương Long Châu Hà lại tổ chức họp mặt. Năm nào Bác Tôn cũng đến dự hội mừng xuân. Bác hỏi thăm sức khỏe mọi người, ôm hôn âu yếm các cháu bé, tặng quà và nói chuyện tình hình trong nước, ngoài nước. Năm nào bận không đến được, Bác gửi thư, gửi quà tặng.

Một buổi chiều mùa hè năm 1965, tiền thân đồng chí Ủy viên Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về Nam công tác, Bác Tôn đã nói giọng run run, chậm chạp, đầy xúc động:

- Anh về trông, nói dùm với đồng bào Nam bộ và tất cả các đồng chí, anh em rằng tôi rất nhớ quê hương; chỉ mong đợi ngày về. Nhưng tuổi sắp tám mươi rồi, còn có ai cho đi nữa!

Năm 1969, Bác Tôn mời gia đình đồng chí Nguyễn Văn Linh và gia đình đồng chí Trần Bạch Đằng đến nhà Bác ăn cơm. Bác hỏi các đồng chí về tình hình trong Nam, Trần Bạch Đằng thưa:

- Thưa Bác, hôm qua Trung ương chỉ thị cho tôi báo cáo trước phiên họp toàn thể về phong trào Sài Gòn - Gia Định.

Bác “cự” đồng chí Nguyễn Văn Linh:

- Tại sao không cho tôi nghe?

Đồng chí Nguyễn Văn Linh trả lời:

- Thưa Bác, các anh trong Bộ Chính trị ngại sức khỏe Bác. Bác sẽ nghe ghi âm và đọc báo cáo của chúng tôi.

Bác Tôn nói, giọng vẫn còn giận:

- Già thì già, tôi vẫn còn ngồi được một buổi, hai buổi, mấy anh “đuổi” tôi như đuổi “tà”!

Vừa lúc ấy, đồng chí Phạm Hùng đến. Bác nhắc lại ý vừa nói với các đồng chí. Vốn là bạn vong niên với Bác Tôn từ lúc ở Côn Đảo, đồng chí Phạm Hùng cười vui nói với Bác:

- Ai mà dám đuổi “Già Thắng”. Người ta bảo vệ anh đó.

- Nghe phong trào anh hùng trong Nam, tao khỏe hơn, nói cho chú mày biết! nãy giờ tao nghe thằng Mười Cúc, thằng Bạch Đằng nói ít chuyện mà đã thấy hăng rồi...

Tất cả các đồng chí nghe Bác nói đều rung rung nước mắt.

Đặng Hòa

NGHĨA TÌNH ĐỐI VỚI ĐỒNG CHÍ

Bà Hai Sóc và khu nhà của bà ở 18 thôn vườn trầu Hóc Môn, là một cơ sở cách mạng đã gắn liền với nhiều sự kiện của Trung ương Đảng trong những năm 1936 - 1940. Đồng thời bà Hai Sóc cũng là người giúp đỡ chăm nom Bác Tôn nhiều. Năm 1950 được Trung ương điều từ miền Nam ra định giao nhiệm vụ Bí thư phụ nữ Trung ương. Không may bị bệnh nặng qua đời ở trạm giao thông gần đèo Kháng Nhật (dãy Tam Đảo, tiếp giáp Lập Thạch - Sơn Dương). Về Hà Nội, mỗi năm Bác lên thăm mộ bà một lần, đường đi lại khó khăn, vất vả. Năm 1965, bác bảo con rể chuyển mộ bà về Khu A Nghĩa trang Văn Điển. Lâu lâu Bác lại đến viếng.

Một lần Bác Tôn đến thăm người bạn tù Côn Đảo năm xưa. Khi đến nhà, thấy người bạn nghèo, tuổi cao nằm co ro trên chiếc giường tre. Bác xót xa ngậm ngùi. sau khi chuyện trò thăm hỏi, trở về Bác lấy chiếc nệm mút mình vẫn nằm gửi cho bạn. Khi đưa nệm mút nhờ đồng chí thư ký mang đi, bác nói:

- Hồi ở tù chúng tôi đều phải nằm lạnh. Nay không thể một người ấm, còn một người lại phải nằm lạnh.

Bộ trưởng Nguyễn Văn Tạo qua đời, ông đã từng là đảng viên Đảng Cộng sản Pháp. Gia đình ông Tạo và gia đình Bác Tôn biết nhau từ lâu, thường qua lại thăm hỏi thân thiết. Bác bảo đồng chí Lê Hữu Lập, thư ký riêng của bác, đến gặp vợ ông Tạo hỏi xem có khó khăn gì. Bà Tạo rất xúc động nhưng biết tấm lòng chân tình của Bác nên cũng nói thật vì hai cháu còn chưa ra trường, tính toán chi ly mọi thứ, mỗi tháng thiếu mất 20 đồng. Từ đó khi nhận tiền lương hàng tháng, Bác đưa đồng chí Lập số tiền đó cầm đến tận nhà đưa cho bà Tạo. Gần 2 năm sau khi các cháu ra trường, bà xin cảm ơn và xin thôi không nhận sự giúp đỡ của Bác nữa.

Một lần khác, khi biết tin một bạn tù cũ đang công tác tại nông trường Lương Sơn. Bác Tôn quyết định đi thăm. Lúc này thấy Bác không được khỏe, anh em bảo vệ có ý ngần ngại, can ngăn:

- Thưa Bác, Bác không được khỏe. Trước sau thế nào ông ấy cũng sẽ đến thăm Bác.

Biết ý, Bác Tôn lắc đầu nói:

- Chưa chắc đâu. Có thể bạn bè thấy tôi làm Chủ tịch nước, họ ngại, nên tôi phải đến gặp trước.

Nói xong, Bác mở cửa xe và ô tô chuyển bánh.

**Theo lời kể của đồng chí Lê Hữu Lập,
nguyên thư ký riêng của Chủ tịch Tôn Đức Thắng.**

CỜ ĐỎ TRÊN BIỂN ĐEN

Bác Tôn đến quân cảng Toulon, một quân cảng ở Địa Trung Hải thuộc miền Nam nước Pháp, được ít lâu thì bị điều xuống làm thợ máy trên một chiếc tàu tuần biển lớn của hải quân Pháp. Chiếc tàu này là loại tàu chiến lớn thuộc loại hiện đại lúc đó của Pháp. Tàu mang tên “France”. Trên tàu có 1.200 lính thủy, lính thợ, tài công, chỉ huy... Trang bị trên tàu, nếu chỉ tính súng đại bác, có 12 khẩu pháo 305 mi-li-mét và 22 khẩu pháo 138 mi-li-mét.

Cuối năm 1916, tàu France được lệnh ra khơi tuần biển, giữ cửa ngõ phía Nam nước Pháp. Lúc này chiến tranh thế giới lần thứ nhất đã nổ ra và phát triển đến cực đỉnh. Cuộc sống của nhân dân ở tất cả các nước tham chiến, nhất là công nhân và nông dân ngày càng bị bần cùng. Nhiều cuộc bãi công, biểu tình cách mạng đã nổ ra ở các nước Đức, Pháp, Anh, Ý, Áo...

Tháng 11 năm 1917, giai cấp vô sản và anh em binh lính cách mạng ở Nga đã tiến hành thắng lợi cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước Nga Sa hoàng, một mắc xích trong hệ thống đế quốc chủ nghĩa thế giới, một người bạn đồng minh mạnh mẽ của đế quốc Pháp bị tiêu diệt. Cách mạng Tháng Mười năm 1917 thắng lợi đã làm rung chuyển thế giới. Nhân dân lao động toàn thế giới hướng về nước Nga XôViết vui mừng, phấn khởi, hy vọng... Trái lại, bè lũ đế quốc thì lo sợ. Hai tên đế quốc Đức và Pháp đang cắn xé để tranh giành quyền lợi phải vội vàng hòa hoãn với nhau để hợp nhau chống nước Nga XôViết non trẻ mới ra đời, vì chúng biết rằng đây mới chính là nguy cơ đe dọa quyền lợi thực dân của chúng. Ngày 11 tháng 10 năm 1918, bọn đế quốc họp nhau ở Versailles (Pháp) để ký hòa ước không đánh nhau và bàn mưu can thiệp vào nước Nga, giúp cho bọn phản động trong nước Nga đang có âm mưu chống chính quyền XôViết. Theo hòa ước Versailles, chiến tranh thế giới đã kết thúc nhưng binh lính Pháp lại được lệnh tiến vào nước Nga gây một cuộc chiến tranh mới.

Mặc dù lênhên trên biển cả, tin tức đến chậm nhưng cuối cùng tin về nước Nga XôViết, tin về chiến tranh chấm dứt, tin về việc can thiệp vào nước Nga... vẫn đến chiến hạm France. Binh lính trên tàu bàn tán xôn xao nửa tin, nửa ngờ về nước Nga mới. Còn tin tức về một cuộc chiến tranh mới thì hầu hết binh lính đều bất mãn. Chiến tranh kết thúc, lẽ ra họ được giải ngũ, trở về với cuộc sống bình thường thì nay vẫn phải tiếp tục làm lính sống cuộc đời căng thẳng của chiến tranh. Trước kia, đánh quân Đức đâu là chiến tranh đế quốc, họ vẫn được tiếng là “bảo vệ Tổ quốc”, nay lại đi đánh nước ngoài không có ý nghĩa gì hết. Nhưng luật nhà binh làm họ hậm hực phản đối ra mặt...

Ngày 1 tháng 4 năm 1919, hạm đội hải quân Pháp tiến vào Biển Đen, trong đó có tàu chiến France và người thợ máy Tôn Đức Thắng. Ngày 5 tháng 4 tàu đến Ôđétxa, một đại đội lính thủy đánh bộ đổ bộ lên cảng, chuẩn bị can thiệp nếu Hồng quân đánh vào thành phố. Lúc này anh em binh lính trên tàu mới hay, không phải chỉ có hải quân, cả bộ binh, pháo binh, công binh trong quân đội can thiệp Pháp đều phản đối cuộc chiến tranh phi nghĩa này. Đến đất Nga, trực tiếp

thấy Hồng quân, thợ thuyền, dân cày đã phấn khởi như thế nào khi giành được quyền làm chủ và họ đã chiến đấu anh dũng để bảo vệ chính quyền Xô Viết như thế nào... tâm trạng của người lính Pháp đã bất mãn lại càng bất mãn hơn. Tâm lý phản chiến đã nhen nhóm khi hạm đội vào Biển Đen ngày càng bùng lên mãnh liệt. Tại Ôđétxa có những đảng viên Bôsevích người nước ngoài đã tham gia tích cực vào việc vận động binh lính các nước phản chiến, đòi trở về nước. Chị Gian la-buốc là một nữ giáo viên người Pháp, tham gia làm công tác binh vận, bị bắn chết (tại nơi chị ngã xuống, nhân dân Liên Xô đã dựng lên một tượng đài kỷ niệm). Tin tức về các đơn vị bộ binh Pháp phản chiến đã truyền xuống chiến hạm. Ngày 16 tháng 4, chiến hạm nhỏ neo rời Ôđétxa đi Xêvátxtôpôn thì ngày 17 đã hiện trên bong tàu một biểu ngữ kêu gọi: “Không bắn vào anh em Nga của chúng ta!”, “Không làm công cụ cho các thế lực phản động của Cờ-lê-măng-xô (Clemenceau)!” (Thủ tướng Chính phủ Pháp lúc đó).

Thế nhưng bọn chỉ huy vẫn ngoan cố. 16 giờ chiều hôm đó, chúng ra lệnh cho pháo bắn vào thành phố để cản bước tiến của Hồng quân. Suốt cả chiều và gần cả đêm hôm đó, pháo trên chiến hạm France và trên chiến hạm Jean Bart đậu cạnh đó, đã nã tới tấp trên đường phố, trút chết chóc lên đầu những người dân vô tội.

Nhiều anh em binh lính biểu thị công khai sự phản nộ trước những hành động điên cuồng và ngu xuẩn của bọn chỉ huy. Họ bàn tán với nhau tìm cách chống lại. Đám sĩ quan thấy thái độ khác thường trong binh sĩ nên hết sức đề phòng, thẳng tay đối phó với mọi hành động không chấp hành nghiêm mệnh lệnh. Chúng đã bắt giam một số thủy thủ hăng hái nhất dưới hầm tàu.

Thái độ cứng rắn của bọn chỉ huy càng làm tăng bầu không khí bất bình trong binh lính.

Là một thợ máy, người Việt Nam duy nhất trên chiến hạm France, Tôn Đức Thắng đã hòa mình vào không khí phản chiến sục sôi của lính thủy Pháp trong những ngày tháng 4 năm 1919 ở Biển Đen. Anh mang trong mình hai nỗi đau: Nỗi đau của người dân mất nước và nỗi đau của người thợ bị áp bức. Vì vậy sự bất bình của anh em binh lính và thủy thủ Pháp đã nhân lên gấp bội ở trong Anh. Không cuộc họp mặt phản kháng nào không có Anh tham dự. Sự dũng cảm và điềm tĩnh của Anh đã làm cho anh em lính thủy Pháp tin cậy và tôn trọng.

Ngày 19 tháng 4, tàu France đậu sau Đô đốc hạm Jean Bart, sát cạnh chiến hạm Vergniaud và Du Chayla trên cửa biển Xêvátxtôpôn của nước Nga. Để trừng phạt thủy thủ và những hành động vô kỷ luật trong những ngày vừa qua, 15 giờ ngày hôm đó, các sĩ quan chỉ huy thông báo cho mọi người biết lệnh ngày mai, 20 tháng 4, tuy là ngày lễ Pâques (lễ Phục sinh), nhưng không ai được nghỉ, mà phải xếp chuyên 700 tấn than lên tàu.

Binh lính và thủy thủ trên chiến hạm France phản nộ và bàn tán xôn xao về cái lệnh trừng phạt đó của bọn chỉ huy.

16 giờ 30 phút, giờ hạ cờ hàng ngày của chiến hạm, toàn thể binh sĩ tập hợp trước kỳ đài. Mười tám người từ chối bỏ mũ và cất tiếng kêu gọi hàng quân:

- Tất cả những ai muốn vác than ngày mai, chiều tối nay lên bãi biển.

Suốt bữa ăn chiều hôm đó, anh em binh lính sôi nổi trao đổi và vận động

nhau tham gia cuộc đấu tranh này.

19 giờ 40 phút, bất chấp sự cấm đoán của các sĩ quan, mọi người trên chiến hạm kéo nhau lên bãi biển họp mặt. Tiến hát bài Ôđétxa nổi lên. Tên quan ba điên cuồng rút súng ngắn bắn anh lính thủy Luácơ gục ngã. Tất cả vô cùng căm phẫn, bật đứng dậy, xiết chặt tay nhau hát vang bài Quốc tế ca.

Tiếng hát trầm hùng, mạnh mẽ bài ca chiến đấu của những người lao khổ nổi dậy đòi quyền sống đã đẩy lùi bọn sĩ quan về phía sau bãi cát. Bọn chúng hoang mang, súng đã lên đạn cầm lăm lăm trong tay, nhưng không tên nào dám bắn.

Tiếng bọn sĩ quan quát tháo, đe dọa trừng trị và đưa ra tòa án binh những người chống đối. Tiếng đầu khẩu của anh em binh lính lên án hành động bắn, bắt giam thủy thủ, đối xử tàn nhẫn với binh lính của bọn sĩ quan... làm huyên náo cả bãi biển. 20 giờ 30 phút, anh em trở về chiến hạm, đi mở cửa phòng giam cho đồng đội ở hầm tàu. Tiếng hô khẩu hiệu: “Trở về Toulon ngay tức khắc!” “Không chiến tranh với Nga!” âm vang át cả tiếng sóng Biển Đen.

Cũng ngay đêm đó, binh lính trên chiến hạm France bí mật liên lạc với anh em trên Đô đốc hạm Jean Bart, bàn nhau tổ chức cuộc biểu tình phản chiến vào giờ chào cờ thường lệ ngày mai, 20 tháng 4.

8 giờ sáng, giờ chào cờ. Như thường lệ tiếng kèn tập họp lanh lảnh cất lên trên chiến hạm France. Mọi người tề tựu đầy đủ bên kỳ đài. Được sự phân công của anh em binh lính phản chiến, Tôn Đức Thắng, người thợ máy mang số 418, dũng cảm và điềm tĩnh rời hàng quân tiến thẳng về phía cột cờ. Bằng một động tác nhanh, gọn và thành thạo, Anh buộc cờ vào dây kéo cờ, rồi từ từ kéo lá cờ đỏ lên trên đỉnh cột cờ của chiến hạm. Nét mặt Anh nghiêm trang nhưng rạng rỡ. Dáng đứng của Anh hiên ngang. Đầu Anh ngẩng cao, theo dõi lá cờ đỏ. Hai tay vẫn đều đều điều khiển sợi dây để đưa lá cờ đỏ lên cao. Trong lòng Anh trào dâng niềm xúc động vô biên. Sau lưng Anh, cả hàng quân im phăng phắc. Trên những khuôn mặt sạm đen nắng gió của thủy thủ Pháp ánh lên một tình cảm rạo rức, đợi chờ. Đám sĩ quan chỉ huy hoảng hốt nhìn nhau. Có tên đã sờ tay vào bao súng. Cách mũi súng của chúng chỉ vài bước chân thôi, là tấm lưng to, rộng của người thợ máy Việt Nam đang bình tĩnh kéo cờ đỏ lên điểm đỉnh của cột cờ chiến hạm.

Lên tới đỉnh cột cờ, lá cờ đỏ tung bay phấp phật trong buổi sớm mai lộng gió Biển Đen. Tôn Đức Thắng lại bình thản buộc chốt sợi dây vào chân cột để giữ lá cờ ở trên cao.

Hàng quân sau lưng Anh chuyển động, bài hát Quốc tế ca vang lên. Tiếng hát say mê, xối xả, giục giã lòng người.

Trên đường phố Xêvátxtôpôn, những người lính Pháp và Hồng quân Nga khoác chặt tay nhau thân ái, nhìn lá cờ đỏ trên chiến hạm France, hát vang những bài ca cách mạng, những bài ca đòi hòa bình và chán ghét chiến tranh.

Rồi, tiếp đó, một lá cờ đỏ nữa được kéo lên trên đỉnh kỳ đài của Đô đốc hạm Jean Bart. Lại những bài ca cách mạng và những tiếng hô.

- Không bắn vào những người anh em Nga!
- Trở về Toulon!

Cả một vùng Biển Đen âm vang tiếng hát và tiếng hô khẩu hiệu của những người lính thủy tham gia phản chiến.

Cuộc nổi dậy phản chiến của anh em binh lính và thủy thủ Pháp ở Biển Đen, trong đó có sự tham gia tích cực và dũng cảm của người thợ máy Tôn Đức Thắng vào những ngày tháng 4 năm 1819, đã buộc hạm tàu Pháp đã quay đầu về nước, đã chấm dứt sự can thiệp vũ trang của đế quốc Pháp vào miền Nam nước Nga, góp phần bảo vệ nước Nga XôViết trẻ tuổi, bảo vệ Nhà nước vô sản đầu tiên trên thế giới.

Gần bốn mươi năm sau, hồi tưởng lại giây phút lịch sử kéo lá cờ đỏ trên chiến hạm France năm 1919 ở Biển Đen, Bác Tôn nói: “Chúng tôi chào các bạn Nga bằng lá cờ đỏ được giương lên ở Biển Đen. Tôi mơ ước cùng với lá cờ đỏ này, tuần dương hạm sẽ cập bến Nga. Tôi sẽ lên bờ và được dịp tham gia cuộc cách mạng, học tập các bạn Nga để trở về Tổ quốc giúp đỡ dân tộc tôi vứt bỏ ách nô lệ... Tôi tin rằng ở đó nhân dân lao động đã vùng lên để quét sạch mọi áp bức, bất công, mà tôi, một công nhân của dân tộc thuộc địa da màu, đã từng phải chịu đựng. Tôi tin rằng ở đó người ta đang xây dựng một thế giới đẹp đẽ, thật sự công bằng...”.

Theo Đặng Hòa, Lê Minh và Lê Kim

CHỦ TỊCH MẶC ÁO NÔI THÌ DÂN MỚI ĐỦ CƠM ĂN

Trong sinh hoạt hàng ngày, Bác Tôn sống giản dị, thanh bạch và gần gũi với mọi người. Dù có gia đình, có vợ, có con, cháu, nhưng không có chút riêng. Làm Chủ tịch nước mà Bác trai lẫn Bác gái vẫn quần nâu áo vải, không bao giờ dùng đồ nhung lụa đắt tiền. Bác gái vẫn ngồi vá áo gối, Bác trai vẫn tay kim, tay búa sửa xe đạp cho con cháu. Quần áo, giày, mũ, trang phục của Bác suốt những năm làm Chủ tịch nước, khi ra đi, chỉ đựng chưa đầy trong chiếc tủ nhỏ.

Trước ngày giải phóng năm 1975, một cán bộ chuẩn bị vượt Trường Sơn về Nam công tác, trước khi rời Hà Nội đồng chí đến thăm sức khỏe và chào Bác Tôn. Hôm đó thấy Bác mặc chiếc áo cũ bị rút ngắn, Bác nói thêm một khúc. Đồng chí hỏi:

- Bác ơi, làm Chủ tịch nước sao bác mặc áo cũ nôi thế này?

Bác cười độ lượng trả lời:

- Chủ tịch nước mặc áo nôi thì dân mới có đủ cơm ăn.

Đồng chí rung rung nước mắt trước tấm lòng thánh thiện của Bác Tôn. Niềm vui và nỗi đau của đất nước chính là nhịp đập chung của trái tim giàu lòng nhân ái, cả cuộc đời chăm lo cho sự nghiệp chung không màng chi danh vọng.

Theo Từ Đỉnh

(Báo Phụ Nữ Sài Gòn số ra ngày 5-4-1980)